

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2020/DS-PT
Ngày: 14-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến

Ông Ngô Thanh Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2020/TLPT-DS ngày 09/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2020/QĐ-PT ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Minh Tr, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Quy Thị L, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Quy Vĩnh Th, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp D, xã F, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Bà Quy Thị L – sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp D, xã F, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Bà Quy Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp D, xã F, huyện C, tỉnh Đồng Nai

- Người kháng cáo: bị đơn ông Quy Vĩnh Th

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, phía nguyên đơn Trần Minh Tr trình bày:

Do chị Tr có nhu cầu mua chung cư nên bà Quy Thị L (mẹ ruột chị Tr) có cho chị 1.000.000.000 đồng từ việc bà bán đất. Vào tháng 8/2019, ông Quy Vĩnh Th là cậu ruột chị Tr và là em ruột bà L có gọi điện thoại cho chị hỏi mượn số tiền trên để đặt mua đất vì đã lỡ đặt cọc 300.000.000 đồng, nếu không mua thì sẽ mất số tiền đặt cọc. Lúc đầu chị không đồng ý nhưng ông Th hứa trong 1 tháng sẽ trả lại số tiền trên và sẽ trả thêm cho chị một khoản lãi suất; bên cạnh đó bà L cũng thuyết phục chị cho ông Th vay nên chị đồng ý. Ngày 21/8/2019 chị chuyển khoản cho ông Th số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản số 180414849162XYZ đứng tên ông Th mở tại Ngân hàng Eximbank chi nhánh Đồng Nai – Phòng giao dịch Long Khánh. Ngoài giấy tờ chuyển khoản tiền cho ông Th ra thì giữa đôi bên không lập giấy tờ vay mượn.

Đến hạn trả nợ mà ông Th không thanh toán, khóa điện thoại, chị không thể nào liên lạc được nên chị khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả cho chị 1.000.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10%/năm từ ngày chậm trả (ngày 21/9/2019) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án (ngày 21/8/2020) là 91.600.000 đồng. Số tiền này chị tiếp tục yêu cầu lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Bản thân chị chưa lập gia đình, chị chỉ yêu cầu một mình ông Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu người khác phải chịu trách nhiệm liên đới.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai đối chất, biên bản hòa giải, phía bị đơn ông Quy Vĩnh Th trình bày:

Ông có vay của chị Tr 1.000.000.000 đồng để đầu tư mua đất là đúng. Chị Tr chuyển tiền cho ông thông qua tài khoản số 180414849162XYZ đứng tên ông mở tại Ngân hàng Eximbank chi nhánh Đồng Nai – Phòng giao dịch Long Khánh vào ngày 21/8/2019. Khi cho vay giữa đôi bên không lập giấy tờ, không hẹn thời gian trả, không thỏa thuận lãi suất mà nói miệng rằng khi nào ông bán được đất thì chia cho chị Tr một phần tiền lời. Đến đầu tháng 9/2019 ông chưa bán được đất nên chưa trả được nợ cho chị Tr. Nay chị Tr yêu cầu ông trả nợ một mình, không yêu cầu người khác liên đới cùng trả nợ thì ông đồng ý. Tuy nhiên ông chỉ đồng ý trả cho chị Tr 900.000.000 đồng tiền gốc vì ông đã đưa cho bà Quy Thị H (em gái ông và bà L) 100.000.000 đồng để trả cho chị Tr theo yêu cầu của bà L, còn tiền lãi suất thì ông không đồng ý trả vì giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Quy Thị L trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị Tr và là chị gái của ông Th. Sau khi bán được đất, bà có cho chị Tr 1.000.000.000 đồng để mua chung cư trên Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 8/2019, ông Th có đến mượn tiền bà để đầu tư mua đất trong Sông Ray nhằm kiếm lợi nhuận. Bà đã cho chị Tr số tiền này nên

ông Th đã gọi điện thoại hỏi chị Tr để vay. Chị Tr không đồng ý, ông Th nhờ bà nói giúp vì ông đã lỡ đặt cọc đất, nếu không mua thì mất cọc, ông hứa chỉ vay từ 02 tuần đến 1 tháng sẽ trả, ông sẽ gửi thêm cho chị Trâm một khoản tiền lãi suất nhưng không nói rõ là bao nhiêu. Vì tình cảm chị em nên bà đã tác động chị Tr để chị Tr cho ông Th vay số tiền trên. Chị Tr chuyển tiền cho ông Th qua tài khoản Ngân hàng chứ không giao tiền mặt, giữa đôi bên không lập giấy tờ vay nợ.

Bà xác định trước ngày 21/8/2019 vài ngày chị Tr có cho bà biết chỉ có thể chuyển cho ông Th 900.000.000 đồng, vì cần dùng 100.000.000 đồng. Do đó, bà đã nói với Quy Thị H cho ông Th mượn 100.000.000 đồng cho đủ 1.000.000.000 đồng. Bà H đồng ý nên chính tay bà H đã giao cho ông Th 100.000.000 đồng. Đến ngày 21/8/2019 chị Tr không có nhu cầu sử dụng 100.000.000 đồng nên đã chuyển khoản đủ cho ông Th 1.000.000.000 đồng nên bà đã gọi điện thoại cho ông Th yêu cầu ông Th trả 100.000.000 đồng lại cho bà H. Bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Tr.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 213, 216, 218, 463, 466, 468 của BLDS; Căn cứ vào Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Minh Tr.

1. Buộc ông Quy Vĩnh Th phải trả cho chị Trần Minh Tr 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 91.600.000 đồng tiền lãi suất.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu ông Th chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Quy Vĩnh Th phải nộp 44.748.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả cho chị Tr 23.229.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001756 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Quy Thị H trình bày:

Bà xác định ông Th đến mượn tiền bà nhưng bà không có khả năng, ông Th đã nhờ bà gọi điện thoại cho chị Tr để mượn 1.000.000.000 đồng, do nghe bà L nói chị Tr không đủ 1.000.000.000 đồng và bà L có mượn bà 100.000.000 đồng rồi nhờ bà đưa luôn cho ông Th để cho đủ số tiền 1.000.000.000 đồng. Bà giao 100.000.000 đồng cho ông Th trước khi chị Tr chuyển tiền qua Ngân hàng. Khi chị Tr chuyển tiền cho ông Th xong thì ông Th có đem đến 100.000.000 đồng giao cho bà và nói là cho bà L trả.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, của các đương sự là đúng với các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định

Về nội dung: ông Thiện có vay của chị Trâm 1.000.000.000đ là đúng, thể hiện tại chứng từ chuyển khoản qua Ngân hàng. Số tiền 100.000.000đ mà ông Th đưa cho bà H không phải là để trả bớt nợ trong khoản nợ của chị Tr mà để thanh toán cho số tiền bà H cho ông Th mượn trước đó theo yêu cầu của bà L. Điều này chứng tỏ ông Th còn nợ chị Tr 1.000.000.000 đồng. Hai bên có xác lập việc cho vay nhưng không lập thành văn bản, không thỏa thuận lãi suất. Chị Tr xác định chỉ cho ông Th vay trong thời hạn 01 tháng, ông Th xác định chỉ 20 ngày sau thì chị Tr đã đòi lại nợ, nên đây là hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận lãi suất và thời điểm trả lại nợ được tính vào ngày 21/9/2019 là ý chí tự nguyện của các bên nên lãi suất được tính với mức 10%/năm từ ngày 21/9/2019 đến ngày 21/8/2020 với số tiền là 91.666.000 đồng là phù hợp. Tòa cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr là có căn cứ, việc kháng cáo của ông Th không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: kháng cáo của bị đơn được thực hiện đúng qui định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và tư cách đương sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn: việc giao nhận tiền giữa chị Tr và ông Th được thực hiện thông qua giao dịch Ngân hàng, đều được các đương sự thừa nhận. Ông Th cho rằng đây là tiền chị Tr góp để mua đất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, Tòa án sơ thẩm xác định đây là khoản tiền vay là có căn cứ, việc vay tiền của chị Tr cùng thời điểm vay tiền của anh Kh, tổng số tiền vay của hai người là 2,1 tỷ đồng (Ông Th vay của chị Tr 1.000.000.000 đồng).

Ông Th chỉ đồng ý trả 900.000.000 đồng vì cho rằng ông thông qua bà Quy Thị H đã trả cho chị Tr 100.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L là không có căn cứ do chị Tr xác định không nhận được 100.000.000 đồng từ bà H. Số tiền 100.000.000 đồng mà ông Th đưa cho bà H không phải là để trả một phần trong khoản nợ của chị Tr mà để thanh toán cho số tiền bà H cho ông Th vay trước đó. Do đó Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Th phải trả cho chị Tr 1.000.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ.

Thời hạn vay tiền các bên không thỏa thuận, nhưng căn cứ vào lời khai của bà L, bà H và của chị Tr thì thấy việc vay tiền thỏa thuận trong vòng 4 tuần là có căn cứ. Việc này phù hợp vào thời gian trả tiền cho bà L vào các ngày 21/9/2019, và phù hợp với việc chị Tr và bà L nộp đơn khiếu nại để đòi

tiền ông Th đến công an xã trong tháng 9/2019. Chị Tr xác định chỉ cho ông Th vay trong thời hạn 01 tháng, ông Th xác định chỉ 20 ngày sau thì chị Tr đã đòi lại nợ, nên đây là hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận lãi suất và thời điểm trả lại nợ được tính vào ngày 21/9/2019 là ý chí tự nguyện của các bên nên lãi suất được tính với mức 10%/năm từ ngày 21/9/2019 đến ngày 21/8/2020 với số tiền là 91.666.000 đồng là phù hợp.

[4] Từ những căn cứ trên cho thấy kháng cáo của ông Th không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông Th phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Quy Vĩnh Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Áp dụng các Điều 213, 216, 218, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Minh Tr; Buộc ông Quy Vĩnh Th phải trả cho chị Trần Minh Tr 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc và 91.600.000 đồng (Chín mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi.

2. Về án phí: Buộc ông Quy Vĩnh Th phải nộp 44.748.000 đồng án phí DS-ST và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 2057 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Hoàn trả cho chị Tr 23.229.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001756 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương